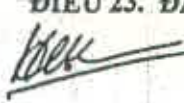




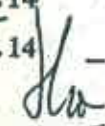
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

Điều lệ này được ĐHCD Công ty Cổ phần TICO thông qua
Lúc 10h30' ngày 24 tháng 02 năm 2007

MỤC LỤC	
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG	5
CÔNG TY CỔ PHẦN TICO	5
Chương I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	5
ĐIỀU 2. HÌNH THỨC VÀ PHẠM VI TRÁCH NHIỆM	6
ĐIỀU 3. TÊN CÔNG TY	7
ĐIỀU 4. TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY	7
ĐIỀU 5. CON DẤU	7
ĐIỀU 6. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	7
ĐIỀU 7. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	8
ĐIỀU 8. TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY	8
Chương II	8
VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN KHÁC, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG	8
ĐIỀU 9. VỐN ĐIỀU LỆ	8
ĐIỀU 10. CÁC LOẠI VỐN KHÁC	8
ĐIỀU 11. CỔ PHẦN	9
ĐIỀU 12. HÌNH THỨC CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	9
ĐIỀU 13. CHÀO BÁN CHUYÊN NHƯỢNG CỔ PHẦN	9
ĐIỀU 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN	10
ĐIỀU 15. CỔ ĐÔNG, SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	10
ĐIỀU 16. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	11
ĐIỀU 17. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	12
Chương III	13
ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN, THU HỒI TIỀN THANH TOÁN	13
MUA CỔ PHẦN HOẶC CỔ TỨC	13
ĐIỀU 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY	13
ĐIỀU 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI	14
ĐIỀU 21. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC	14
Chương IV	14
TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	14
ĐIỀU 22. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY	14
Mục I	14
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 23. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	14

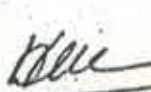






ĐIỀU 24. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	14
ĐIỀU 25. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	15
ĐIỀU 26. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 27. ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 28. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 29. MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 30. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 31. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 32. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	19
ĐIỀU 33. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	20
ĐIỀU 34. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 35. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
Mục II.....	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
ĐIỀU 36. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
ĐIỀU 37. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
ĐIỀU 39. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
ĐIỀU 40. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
ĐIỀU 41. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
ĐIỀU 42. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
ĐIỀU 43. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Mục III.....	26
GIÁM ĐỐC.....	26
ĐIỀU 44. GIÁM ĐỐC.....	26
ĐIỀU 45. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỐC.....	26
ĐIỀU 46. ỦY QUYỀN CỦA GIÁM ĐỐC.....	26
ĐIỀU 47. BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA GIÁM ĐỐC.....	27
ĐIỀU 48. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN GIÁM ĐỐC.....	27
ĐIỀU 49. TỪ CHỨC, CÁCH CHỨC GIÁM ĐỐC.....	27
ĐIỀU 50. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC.....	27
ĐIỀU 51. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN.....	28
ĐIỀU 52. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.....	28
ĐIỀU 53. HỌP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN.....	29
Mục IV.....	29
BAN KIỂM SOÁT.....	29

ĐIỀU 54. BAN KIỂM SOÁT.....	29
ĐIỀU 55. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	30
ĐIỀU 56. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	30
ĐIỀU 57. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT.....	30
ĐIỀU 58. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	31
ĐIỀU 59. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	31
ĐIỀU 60. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	31
ĐIỀU 61. MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT.....	32
Chương V.....	32
NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	32
ĐIỀU 62. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	32
Chương VI.....	32
HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CỔ TỨC.....	33
ĐIỀU 63. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH.....	33
ĐIỀU 64. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH QUỸ.....	33
ĐIỀU 65. CỔ TỨC.....	34
ĐIỀU 66. XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ.....	34
Chương VII.....	35
CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU.....	35
ĐIỀU 67. KIỂM TOÁN.....	35
ĐIỀU 68. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	35
ĐIỀU 69. LƯU GIỮ TÀI LIỆU TẠI CÔNG TY.....	35
Chương VIII.....	36
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	36
ĐIỀU 70. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	36
ĐIỀU 71. TỐ TỤNG TRANH CHẤP.....	36
Chương IX.....	36
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....	36
ĐIỀU 72. CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY.....	36
ĐIỀU 73. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY.....	37
ĐIỀU 74. THANH LÝ GIẢI THỂ.....	37
Chương X.....	37
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	37
ĐIỀU 75. THỰC HIỆN, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	37
ĐIỀU 76. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	38
ĐIỀU 77. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	38







SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 15 TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

CĂN CỨ ĐẠI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO
NGÀY 11/8/2015 THÔNG QUA PHƯƠNG THỨC LẤY Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN VỀ
VIỆC BỔ SUNG ĐIỀU 15 NHƯ SAU :

Bổ sung điểm a, b khoản 1 điều 15 của Điều lệ Công ty :

Điều 15 : CỔ ĐÔNG, SỞ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
 - a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức quốc tịch Việt Nam không hạn chế.
 - b. Tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài không vượt quá 10% vốn Điều lệ.



HỒ CHÍ CÔNG

Ủy Viên

NGÔ VĂN ÁNH

Ủy Viên

TRƯƠNG VĂN NGÀ

SỬA ĐỔI ĐIỀU 13 TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 16/12/2015 THÔNG QUA PHƯƠNG THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU 13 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

Hủy bỏ khoản 3 và khoản 4 Điều 13 của Điều lệ Công ty như sau :

Khoản 3 Điều 13 : Cổ phần, cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS được quyền chuyển nhượng do HĐQT quyết định theo tỷ lệ số cổ phần mà thành viên đó sở hữu tùy từng trường hợp nhất định. Cá nhân thành viên HĐQT, BKS nào có yêu cầu chuyển nhượng cổ phần phải có đơn đề nghị gửi HĐQT, HĐQT sẽ họp xem xét trong vòng 15 ngày làm việc.

Khoản 4 Điều 13 : Sau một năm, kể từ thời điểm bất cứ một thành viên HĐQT, BKS nào không còn đảm đương nhiệm vụ, cổ phần, cổ phiếu do thành viên đó sở hữu được tự do chuyển nhượng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ủy viên

HỒ CHÍ CÔNG

Ủy viên

NGÔ VĂN ÁNH

Ủy viên

TRƯƠNG VĂN NGÀ

Ủy viên

TRẦN THỊ ANH ĐÀO

SỬA ĐỔI ĐIỀU 4 TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

CĂN CỨ ĐẠI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 24/4/2014 VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU 4 NHƯ SAU :

Điều 4: TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY :

1. Trụ sở chính của Công ty :

- a. Địa chỉ : 98 Lũy Bán Bích, P. Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP.HCM
- b. Điện thoại : (08)39641433 – (08)39641468 Fax : (08)39641478
- c. E-mail : contact@ticovietnam.com.vn
- d. Website : <http://www.ticovietnam.com.vn>

2. Chi nhánh :

Địa chỉ : 83/2B khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương



HỒ CHÍ CÔNG

Phó Chủ Tịch

LÊ ĐĂNG QUANG

Phó Chủ Tịch

HOÀNG TIỂU BÌNH

Ủy Viên

NGÔ VĂN ÁNH

Ủy Viên

TRƯƠNG VĂN NGÀ

NHỮNG ĐIỀU SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

I. CĂN CỨ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 24/04/2009, SỬA ĐỔI KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 6 ĐIỀU 26 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

Khoản 1 Điều 26 : Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông là danh sách được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ.

Khoản 6 Điều 26 : Cổ đông sở hữu cổ phần vào thời điểm sau khi danh sách đã lập xong thì không có quyền dự Đại hội.

II. CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 28/04/2010, THAY ĐỔI KHOẢN 2 ĐIỀU 9 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

ĐIỀU 9 : VỐN ĐIỀU LỆ

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 11 tháng 10 năm 2010 là 65.087.550.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ không trăm tám mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), chia thành 6.508.755 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

Phó Chủ tịch



LÊ ĐĂNG QUANG



Ủy viên



HOÀNG TIÊU BÌNH

Ủy viên



NGÔ VĂN ÁNH

Ủy viên



NGUYỄN GIA LÂM

NHỮNG ĐIỀU SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO

I. CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 24/11/2007, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI CÁC ĐIỀU CỦA KHOẢN 3 ĐIỀU 6 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

Lĩnh vực hoạt động :

- Mua bán các thiết bị máy móc công nghệ hóa học, các nguyên liệu phục vụ cho sản xuất hóa chất và các mặt hàng tẩy rửa.
- Sản xuất Bột giặt, Kem giặt, Xà bông thơm, Kem đánh răng, các chất hoạt động bề mặt LAS, LEOS, SLS, SLES ... và các chất tẩy rửa khác.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà, xưởng, kho bãi; dịch vụ quản lý cao ốc; đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.
- Kinh doanh các dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu và các dịch vụ khác.

II. CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN III CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 25/04/2008, THAY ĐỔI KHOẢN 2 ĐIỀU 9 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

ĐIỀU 9 : VỐN ĐIỀU LỆ

2. Vốn điều lệ của Công ty là 54.240.000.000 đồng (Năm mươi bốn tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), chia thành 5.424.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

III. CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO NGÀY 16/07/2008, SỬA ĐỔI KHOẢN 1 ĐIỀU 4 CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHƯ SAU :

ĐIỀU 4 : TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY :

1. Trụ sở chính của Công ty :

a. Địa chỉ : 45, Cừ Long, phường 2, quận Tân Bình TPHCM.

b. Điện thoại : (08) 38486254 – (08) 38486761

Fax : (08) 38486178

P. Chủ Tịch

Nguyễn Văn Kiêng



ỦY VIÊN

Lê Vĩnh Hòa

ỦY VIÊN

Hoàng Tiểu Bình

ỦY VIÊN

Ngô Văn Ánh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TICO**

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 5612/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố v/v chuyển doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Bột giặt TICO thành Công ty cổ phần TICO.

Chúng tôi, gồm những cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội 4 thường niên lần II ngày 24 tháng 02 năm 2007 đã biểu quyết thông qua Điều lệ sửa đổi này để làm cơ sở cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần TICO :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty Cổ phần TICO.
2. Vốn Điều lệ là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi trong Điều lệ Công ty.
3. Cổ phần là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau, tạo thành vốn điều lệ của Công ty.
4. Cổ phiếu là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
5. Trái phiếu là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.
6. Cổ đông là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

7. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty và sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này.
8. **Nhóm cổ đông** là một số cổ đông của Công ty tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. **Cổ tức** là khoản lợi nhuận ròng được chia cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
10. **Người có liên quan** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua các cơ quan quản lý Công ty;
 - d. Người quản lý Công ty;
 - e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý Công ty, cổ đông sở hữu cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d, và e khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý Công ty;
 - h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thầu tóm cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
11. **Người quản lý Công ty** là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc bộ phận, Giám đốc dự án, Kế toán trưởng, Trưởng và Phó các phòng chức năng của Công ty, Trưởng và Phó các đơn vị trực thuộc Công ty;
12. Một công ty được coi là công ty mẹ của Công ty; hoặc Công ty là mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty con;
 - b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;
 - c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.
13. **Vốn có quyền biểu quyết** là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
14. **Giá thị trường của cổ phần** là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

ĐIỀU 2. HÌNH THỨC VÀ PHẠM VI TRÁCH NHIỆM

1. Công ty Cổ phần TICO là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Bột giặt TICO, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, hạch toán độc lập, Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

ĐIỀU 3. TÊN CÔNG TY

1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TICO
2. Tên tiếng Anh: TICO JOINT - STOCK COMPANY
3. Tên viết tắt: TICO
4. Biểu tượng Công ty: 

ĐIỀU 4. TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

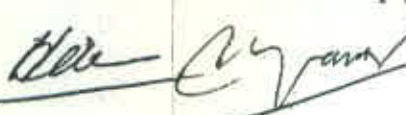
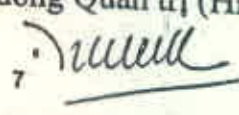
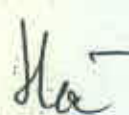
1. Trụ sở chính của Công ty:
 - a. Địa chỉ: Số 121 Lũy Bán Bích, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
 - b. Điện thoại: 9612405 - 9612531 Fax: 9612538
 - c. E- mail: ticovietnam@hcm.vnn.vn
 - d. Website:
2. Chi nhánh:
 - a. Địa chỉ: Số 83/2B, ấp 2B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - b. Điện thoại: 0650.710109 Fax: 0650.710109
 - c. E- mail: abs@ticovietnam.com.vn
 - d. Website:
3. Trụ sở Công ty và chi nhánh có thể di dời đi nơi khác theo yêu cầu hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty. Việc thay đổi trụ sở chính sẽ do HĐQT quyết định.

ĐIỀU 5. CON DẤU

1. Con dấu là tài sản của Công ty được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải được lưu và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG :

1. Mục đích hoạt động của Công ty là phát triển bền vững các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Công ty, trả cổ tức cho các cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo việc làm, nâng cao đời sống người lao động trong Công ty.
2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên lãnh thổ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo nội dung của các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.
3. Lĩnh vực hoạt động :
 - a. Mua bán các thiết bị máy móc công nghệ hóa học, các nguyên liệu phục vụ cho sản xuất hóa chất và các mặt hàng tẩy rửa.
 - b. Sản xuất Bột giặt, Kem giặt, Xà bông thơm, Kem đánh răng, các chất hoạt động bề mặt LAS, LEOS, SLS, SLES ... và các chất tẩy rửa khác.
 - c. Kinh doanh các dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu và các dịch vụ khác.Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể bổ sung thêm những ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT).

4. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm. Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông (ĐHCD). Việc giải thể phá sản Công ty được quy định tại Chương IX của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp.

ĐIỀU 7. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

ĐIỀU 8. TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

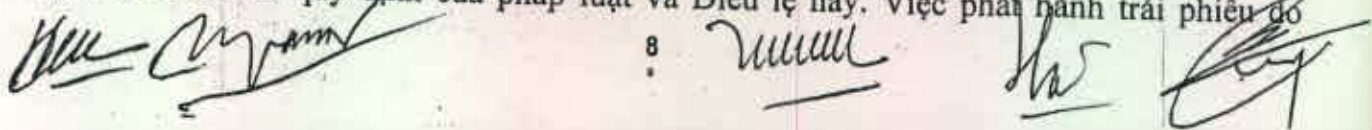
VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN KHÁC, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 9. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ được góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, hiện vật, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và các tài sản khác theo quy định của pháp luật. Vốn góp phải phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập vào ngày 15 tháng 10 năm 2004 là 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng chẵn), chia thành 480.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).
3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động:
 - a. Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động của Công ty.
 - b. Sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - c. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - d. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.
4. Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ sẽ do ĐHCD xem xét và quyết định. Thủ tục tăng hoặc giảm vốn điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.
5. Sau khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. CÁC LOẠI VỐN KHÁC

1. Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại trái phiếu, cổ phiếu và các hình thức huy động khác để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc phát hành trái phiếu do



ĐHCD quyết định.

2. Khi có sự phê chuẩn của ĐHCD, Công ty có thể phát hành trái phiếu, cổ phiếu để huy động vốn.
3. Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 11. CỔ PHẦN

1. Hiện tại Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông có ghi danh, người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, ĐHCD sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật.
2. Tài sản góp vốn cổ phần trong quá trình hoạt động do Công ty và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Công ty chấp thuận; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn hoặc tổ chức định giá và người đại diện theo pháp luật của Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá.
3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

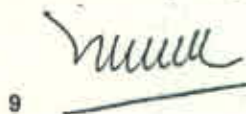
ĐIỀU 12. HÌNH THỨC CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU :

Công ty phát hành cổ phiếu dưới hình thức là một sổ chứng nhận sở hữu cổ phần theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, ghi nhận các loại cổ phiếu và sự tăng giảm số lượng cổ phần sở hữu của cổ đông (có mẫu đính kèm).

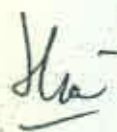
ĐIỀU 13. CHÀO BÁN CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Cổ phần, cổ phiếu của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Trong thời gian Công ty chưa niêm yết cổ phần, cổ phiếu lên thị trường chứng khoán, việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải đăng ký, làm thủ tục tại trụ sở chính của Công ty.
2. Cổ phần, cổ phiếu mà người lao động của Công ty mua với giá ưu đãi trả dần trong 10 năm được tự do chuyển nhượng sau khi thanh toán hết khoản nợ trả chậm cho Nhà nước.
3. Cổ phần, cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS được chuyển nhượng do HĐQT quyết định theo tỷ lệ số cổ phần mà thành viên đó sở hữu tùy từng trường hợp nhất định. Cá nhân thành viên HĐQT, BKS nào có yêu cầu chuyển nhượng cổ phần phải có đơn đề nghị gửi HĐQT, HĐQT sẽ hợp xem xét trong vòng 15 ngày làm việc.
4. Sau một năm, kể từ thời điểm bất cứ một thành viên HĐQT, BKS nào không còn đảm đương nhiệm vụ, cổ phần, cổ phiếu do thành viên đó sở hữu được tự do chuyển nhượng.
5. Sau khi Công ty niêm yết cổ phần, cổ phiếu lên thị trường chứng khoán phát hành thêm cổ phần, cổ phiếu thì mọi hoạt động đăng ký chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu sẽ tuân theo sự điều chỉnh của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.









ĐIỀU 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp cổ đông là tổ chức khi có sự thay đổi do việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi thì cổ đông phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty về việc thay đổi của mình. Tổ chức được thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông phải gửi cho Công ty các văn bản pháp lý về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ của mình và các thông tin có liên quan đến việc thừa kế đó.
3. Tổ chức hoặc cá nhân nhận thừa kế phải thực hiện đầy đủ các thủ tục thừa kế và phải đăng ký quyền sở hữu các cổ phần được thừa kế tại Công ty để trở thành cổ đông và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông.
4. Người thừa kế số cổ phần ưu đãi trả dần phải chịu trách nhiệm trả tiếp khoản nợ còn lại (nếu có). Cổ phần ưu đãi trả dần của cổ đông quá cổ mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi và trả lại cho Nhà nước.
5. Cổ phần của các thành viên HĐQT và thành viên BKS cũng được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, nhưng người thừa kế cổ phần này không phải đương nhiên là thành viên HĐQT và thành viên BKS.

ĐIỀU 15. CỔ ĐÔNG, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông giữ tại Công ty.
3. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Danh sách cổ đông, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - c. Số lượng cổ phần, cổ phiếu từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - d. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.



ĐIỀU 16. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền trong các kỳ ĐHCĐ theo quy định tại Điều lệ này, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ ;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông, Danh sách cổ đông có quyền tham gia ĐHCĐ, yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác trong các danh sách đó;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHCĐ ;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu vào Công ty;
- h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào HĐQT và BKS;
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
- c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp

khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHCĐ;
- b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông có quyền ủy quyền cho người khác (là cá nhân hoặc tổ chức) có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông tại Công ty hoặc thay đổi hay hủy bỏ sự ủy quyền đó.

- a. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một nhóm người đại diện tại Công ty, số cổ phần ủy quyền phải xác định cụ thể cho từng người đại diện. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện quy định tại điểm này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo ủy quyền.
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện hay hủy bỏ sự ủy quyền đó phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày văn bản thông báo được phát hành. Văn bản ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được thông báo.

6. Thông báo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

ĐIỀU 17. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty.
2. Chấp hành quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Không được rút vốn dưới bất kỳ hình thức nào.



5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán đầy đủ các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Chương III

ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN, THU HỒI TIỀN THANH TOÁN MUA CỔ PHẦN HOẶC CỔ TỨC

ĐIỀU 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường (khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán) hoặc giá thỏa thuận (khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán) trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Công ty thông báo.

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, sổ Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo Điều 18 và 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo Điều 18 và 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do chậm hoặc không tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo đến tất cả chủ nợ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 21. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 65 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 22. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty bao gồm: ĐHCĐ, HĐQT, BKS, Giám đốc và bộ máy giúp việc.

Mục I

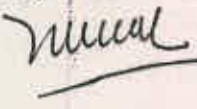
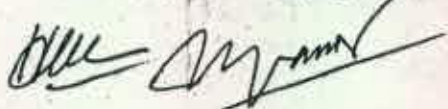
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 23. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. ĐHCĐ bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. ĐHCĐ có: ĐHCĐ thành lập, ĐHCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường.

ĐIỀU 24. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

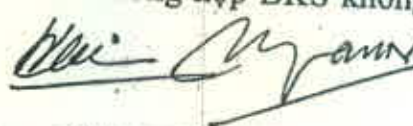


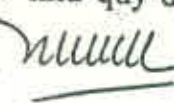
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 25. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

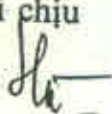
1. ĐHCD họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHCD phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. ĐHCD thường niên phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp đặc biệt theo đề nghị của HĐQT và được cơ quan đăng ký kinh doanh cho phép, có thể gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHCD thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - c. Báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, Tổng giám đốc;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHCD trong các trường hợp sau đây:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên HĐQT, BKS giảm quá một phần ba theo quy định của Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHCD trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCD như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCD theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHCD theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHCD như quy định thì Trưởng BKS phải chịu









trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

6. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định của Điều lệ này. Nếu xét thấy cần thiết cổ đông hoặc nhóm cổ đông này có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ.
7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

ĐIỀU 26. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông là danh sách các cổ đông sở hữu tối thiểu 1000 cổ phần được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ.
2. Danh sách phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Các cổ đông trong danh sách vì lý do cá nhân không thể đến dự ĐHCĐ được thì có thể ủy quyền cho đại diện thay thế theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.
4. Các cổ đông sở hữu không đủ số lượng cổ phần tối thiểu phải tự nhóm lại cử đại diện tham dự ĐH theo thể thức quy định tại Điều 27 của điều lệ này.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần sau khi lập xong danh sách và trước khi khai mạc kỳ họp ĐHCĐ thì người chuyển nhượng vẫn được quyền tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông đó.
6. Cổ đông sở hữu tối thiểu 1000 cổ phần vào thời điểm sau khi danh sách đã lập xong thì không có quyền dự đại hội.
7. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục danh sách; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thêm những thông tin cần thiết trong danh sách.
8. Thành viên HĐQT, BKS, Giám Đốc Công ty không phải là cổ đông của Công ty, là đại biểu dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết.



ĐIỀU 27. ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

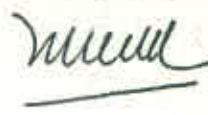
1. Cổ đông là cá nhân hoặc đại diện nhóm cổ đông là đại biểu dự ĐHCĐ, nhưng vì không thể tham dự Đại hội thì được phép ủy quyền cho người khác tham dự. (theo mẫu quy định)
2. Cổ đông chỉ được ủy quyền cho một thể nhân trọn vẹn số cổ phần do mình sở hữu mà không được xé lẻ ủy quyền cùng lúc cho nhiều người tham dự Đại hội.
3. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.
4. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
5. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo cho HĐQT trước 07 ngày khai mạc Đại hội.

ĐIỀU 28. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp ĐHCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHCĐ chấp thuận.

ĐIỀU 29. MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp ĐHCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.
Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

ĐIỀU 30. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

ĐIỀU 31. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu của mình hay số cổ phần mà mình đại diện và tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHCĐ được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHCĐ;
 - d. ĐHCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa và thư ký họp ĐHCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 32. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. ĐHCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, theo đó mỗi cổ đông hoặc người đại diện cổ đông tham dự ĐHCĐ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của ĐHCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Quyết định của ĐHCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được tính trên tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc

một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Quyết định của ĐHCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

ĐIỀU 33. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của nhóm cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty (tối thiểu 3 người).
6. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

ĐIỀU 34. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp ĐHCĐ được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau với các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHCĐ;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp ĐHCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.









Biên bản họp ĐHCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 35. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc, BKS có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHCĐ trong trường hợp trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHCĐ không thực hiện đúng theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 36. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
2. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 53 của Điều lệ này;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo Điều lệ Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

ĐIỀU 37. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. HĐQT Công ty có 5 thành viên. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam ít nhất 3 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
- 4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- 2. Được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16.
- 3. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

ĐIỀU 39. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch được bầu trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.
- 2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - e. Chủ tọa họp ĐHCĐ;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch HĐQT muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT phải có đơn gửi đến HĐQT, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT họp và xem xét quyết định và bầu lại Chủ tịch HĐQT mới.

ĐIỀU 40. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

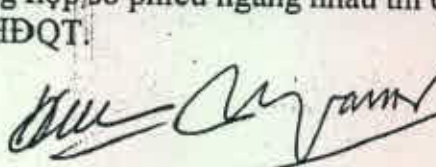
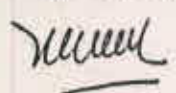
1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.
2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp định kỳ của HĐQT mỗi quý một lần.
4. Cuộc họp HĐQT bất thường được Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - c. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - d. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Nếu không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi trực tiếp hoặc bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, được quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

ĐIỀU 41. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

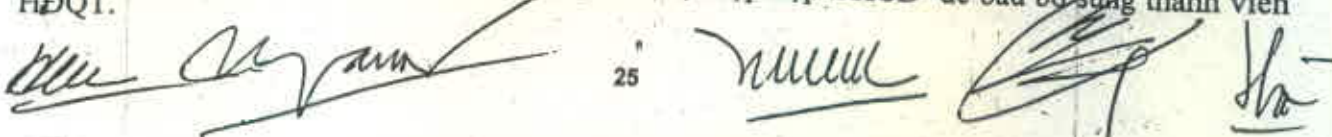
1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau với các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp. (khoản 9 Điều 40)
 - j. Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 42. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

ĐIỀU 43. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này;
 - b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHCĐ.
3. Thành viên HĐQT muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT sẽ họp và xem xét quyết định sau đó trình ĐHCĐ gần nhất.
4. Kể từ khi số thành viên HĐQT, giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn sáu mươi ngày, HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.



Mục III

GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 44. GIÁM ĐỐC

1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát, trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Giám đốc không được đồng thời làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác;
4. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc và Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

ĐIỀU 45. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỐC

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.
10. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

ĐIỀU 46. ỦY QUYỀN CỦA GIÁM ĐỐC

1. Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó giám đốc hoặc người khác thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. Người được Giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nội dung ủy quyền.
3. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

ĐIỀU 47. BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA GIÁM ĐỐC

Giúp việc cho Giám đốc gồm các Phó Giám đốc, các Trưởng, Phó phòng chức năng của Công ty, các Quản đốc nhà máy, các Trưởng ban dự án có các nhiệm vụ như sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và không chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh của Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty.
3. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với Công ty do những hành vi vi phạm của mình hoặc do không hoàn thành nhiệm vụ dẫn đến thiệt hại.

ĐIỀU 48. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
3. Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

ĐIỀU 49. TỪ CHỨC, CÁCH CHỨC GIÁM ĐỐC

1. Khi Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và quyết định.
2. Giám đốc bị cách chức theo Quyết định của HĐQT.
3. Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Thuộc khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp và vi phạm Điều 52 của Điều lệ này.
4. Trường hợp chức danh Giám đốc bị khuyết, HĐQT phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 45 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

ĐIỀU 50. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

1. Công ty trả thù lao cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm, tiền lương cho thành viên HĐQT chuyên trách, thù lao và tiền lương Giám đốc và người quản lý khác (thuộc thẩm quyền của HĐQT) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chỉ trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do HĐQT quyết

Thù lao của thành viên HĐQT và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên HĐQT nếu kiêm nhiệm một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó, ngoài thù lao của thành viên HĐQT.

ĐIỀU 51. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của cá nhân họ cho Công ty, bao gồm:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ (xem khoản 10 Điều 1 của Điều lệ này) sở hữu hoặc cùng sở hữu với họ cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
- Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Việc kê khai phải được thông báo cho ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- Thành viên HĐQT, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

ĐIỀU 52. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

- Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHCĐ;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
- Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 53. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên HĐQT, Giám đốc;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 51 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc.
2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. ĐHCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Mục IV

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 54. BAN KIỂM SOÁT

1. BKS có ba thành viên do ĐHCĐ bầu, hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên BKS bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu.
3. Nếu số thành viên BKS bị giảm quá 1/3 so với số thành viên theo quy định tại khoản 1 của Điều này, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS.
4. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS do ĐHCĐ thông qua.





ĐIỀU 55. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.
2. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

ĐIỀU 56. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, tài chính sáu tháng và hằng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định đó lên ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 52 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHCĐ.
9. BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ.
10. Thành viên BKS muốn từ nhiệm phải có đơn gởi đến BKS để trình ĐHCĐ gần nhất quyết định.

ĐIỀU 57. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Thay mặt BKS triệu tập ĐHCĐ bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Điều

lệ này.

2. Triệu tập họp BKS.
3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.
4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.
5. Ủy quyền cho một trong số thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng BKS trong thời gian mình vắng mặt.
6. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập và ký các báo cáo, kết luận, kiến nghị của BKS, trao đổi ý kiến với HĐQT để trình ĐHCĐ.
7. Trưởng BKS muốn từ nhiệm chức danh Trưởng BKS phải có đơn, văn bản gửi đến BKS trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, BKS họp và xem xét quyết định.

ĐIỀU 58. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
3. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
4. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.

ĐIỀU 59. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHCĐ. ĐHCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

ĐIỀU 60. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất

nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
- Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 61. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHCĐ.
3. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

Chương V

NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐIỀU 62. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Việc tuyển dụng lao động, trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động được ký kết giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và Điều lệ này.
2. Giám đốc xây dựng quy chế về việc tuyển dụng, thuê mướn, cho thôi việc, trả lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và nội quy đối với người lao động của Công ty và trình HĐQT xem xét quyết định.
3. Người lao động phải chấp hành đầy đủ các nội quy lao động, kỷ luật của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty.

ĐIỀU 65: CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Cổ tức cổ phần được Công ty trả bằng chính cổ phiếu của Công ty.

Việc sử dụng hình thức nào để trả cổ tức cổ phần do ĐHCĐ quyết định, theo từng giai đoạn hoạt động của Công ty.

2. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Tùy tình hình hiệu quả kinh doanh của Công ty, cổ tức có thể được trả cho cổ đông 02 lần trong 01 năm:

a. Lần 1: Cổ tức được tạm ứng sau khi sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm do HĐQT quyết định.

b. Lần 2: Cổ tức còn lại được thanh toán sau khi có quyết định của ĐHCĐ.

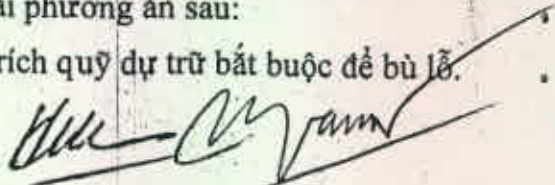
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoảng thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

5. Trường hợp cổ tức không có người đến nhận thì Công ty có quyền sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi cổ đông hoặc người thừa kế hợp pháp theo pháp luật đến nhận cổ tức thì Công ty sẽ hoàn trả tổng giá trị cổ tức gốc mà không cộng lãi phát sinh lũy kế từ tổng giá trị cổ tức này.

ĐIỀU 66: XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ

Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, ĐHCĐ có thể quyết định giải quyết theo hai phương án sau:

1. Trích quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.



2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời quyết định các biện pháp khắc phục khác.
3. Trường hợp khác thì giải quyết theo Điều 73 của Điều lệ này.

Chương VII

CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU

ĐIỀU 67. KIỂM TOÁN

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình ĐHCĐ.
2. Việc chọn Công ty kiểm toán do HĐQT quyết định, nhưng không duy trì việc lựa chọn một Công ty kiểm toán nào liên tục quá hai năm.

ĐIỀU 68. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn chín mươi ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính cùng với báo cáo của BKS phải được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT, BKS để xem xét trình ĐHCĐ thông qua.
3. Báo cáo tài chính phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 69. LƯU GIỮ TÀI LIỆU TẠI CÔNG TY

1. Các tài liệu sau đây phải được lưu giữ tại Công ty:
 - a. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d. Biên bản họp ĐHCĐ, HĐQT; các quyết định của Công ty;
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
 - f. Báo cáo của BKS, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 70. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính :
 - a. Giữa một cổ đông hay nhóm cổ đông với Công ty;
 - b. Giữa một Cổ đông hay nhóm cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.
 - c. thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.
 - d. Trường hợp tranh chấp liên quan giữa các thành viên HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu việc tranh chấp này không giải quyết được thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập với tư cách là trọng tài cho việc giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần trừ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.
4. Trong quá trình giải quyết tranh chấp không một bên nào có hành vi cản trở hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Công ty không xem xét bất cứ khiếu nại nặc danh nào.

ĐIỀU 71. TỔ TỤNG TRANH CHẤP

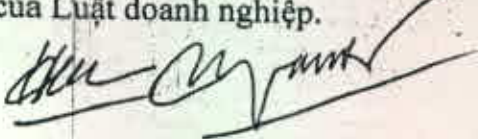
1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi tham gia tổ tụng, tranh chấp.
2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, Công ty tuân theo các quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và quyền lợi của Công ty.

Chương IX

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

ĐIỀU 72. CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo các quy định của Luật doanh nghiệp.



ĐIỀU 73. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

1. Công ty bị giải thể, phá sản trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo quyết định của của ĐHCĐ ;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - c. Khi Công ty bị lỗ $\frac{1}{4}$ vốn cổ phần, mọi cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty.
2. Sau khi có quyết định giải thể Công ty của ĐHCĐ, HĐQT và BKS phải tiến hành đúng trình tự và các thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
3. Khi Công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng không thoát khỏi tình trạng này và có đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì việc phá sản Công ty sẽ giải quyết theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 74. THANH LÝ GIẢI THỂ

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHCĐ thành lập Ban Thanh lý thay thế cho HĐQT. Ban thanh lý có ít nhất 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên do ĐHCĐ chỉ định và 1 thành viên do HĐQT chỉ định.
2. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban Thanh lý cùng với BKS chuẩn bị các thủ tục theo quy định để thực hiện công việc của mình. Ban Thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập để giúp việc.
3. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án, các cơ quan hành chính, tổ chức và cá nhân có liên quan.
4. Tiền thu được từ thanh lý dùng thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý;
 - b. Tiền lương, chi phí bảo hiểm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi thanh toán các khoản nợ nêu trên được phân chia cho các cổ đông.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 75. THỰC HIỆN, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Công ty ban hành các quy chế để cụ thể hoá và thực hiện Điều lệ này.
2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHCĐ xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công

ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 76. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Điều lệ này gồm 10 chương 77 Điều đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên lần II của Công ty Cổ phần TICO ngày 24 tháng 02 năm 2007.
2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHCĐ thông qua.
3. Điều lệ này là chính thức của Công ty.
4. Các cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ - công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

ĐIỀU 77. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và gửi các cơ quan khác theo quy định.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều lệ này được ĐHCĐ Công ty cổ phần TICO thông qua lúc 10h30 ngày 24 tháng 02 năm 2007.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2007

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HỒ CHÍ CÔNG

CHỨNG THỰC

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 15/CHYT/01 Ngày 11/05/2016



HỒ CHÍ CÔNG

[Handwritten signature]

LÊ VĨNH HÒA

[Handwritten signature]

HOÀNG TIỂU BÌNH

[Handwritten signature]

NGUYỄN VĂN KIÊNG

[Handwritten signature]

NGÔ VĂN ÁNH